

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 198/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn,
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tư;

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Võ Lê Kim N, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Võ Lê Kim N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tổ chức đám cưới vào đầu năm 2010. Sau khi sinh con thì mới đăng ký kết hôn ngày 29-9-2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì anh N thường xuyên nhậu nhẹt đến khuya mới về nên vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn. Thời gian đầu, vợ chồng sống bên gia đình anh N đến năm 2019 thì cất nhà ở riêng, lúc này chị ở nhà trông con, anh N làm nghề

tự do. Sau đó, chị đi làm công ty ở Bình Dương, anh N ở nhà đi làm vừa sầu riêng thì bắt đầu cờ bạc, nợ nhiều lần nhưng giấu chị, đến khi phát hiện chị phải hốt hui để trả nợ thay cho anh N khoảng 50 triệu đồng, ngoài ra cha mẹ chồng của chị cũng có trả nợ cho anh N nhưng chị không rõ bao nhiêu. Từ tháng 7-2019 chị đi làm và vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân, chị và anh N có tìm biện pháp để hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Ngoài việc cờ bạc, nợ nần, anh N còn không quan tâm đến vợ con. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể hòa giải hàn gắn được, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh N có hai con chung, hiện nay hai cháu đang do ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Võ Thị Phương T, sinh ngày 14-9-2013 có nguyện vọng được sống với ông bà nội nên chị đồng ý giao cho phía anh N tiếp tục nuôi; cháu Võ Thị Phương V, sinh ngày 13-12-2010 có nguyện vọng được sống cùng chị nên chị yêu cầu nuôi cháu V, không yêu cầu anh N cấp dưỡng, chị cũng không cấp dưỡng nuôi con cho phía anh N.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Võ Lê Kim N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Võ Lê Kim N tranh chấp về ly hôn; anh N cư trú tại ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn, anh Võ Lê Kim N không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh N.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Võ Lê Kim N là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 113, ngày 29-9-2011. Thực tế hai bên chung sống vợ chồng từ năm 2010 và hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu, sau đó thì anh N thường xuyên đi nhậu đến khuya nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng

không lớn. Đến năm 2019 thì anh N cò bạc thiếu nợ, chị T và gia đình anh N phải trả nợ. Do không thể chung sống được nữa nên từ tháng 7-2019 đến nay chị T đã bỏ đi, trong thời gian này hai bên có hòa giải, hàn gắn nhưng không thể đoàn tụ. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do chị T nêu, nhưng anh N không có ý kiến gì phản đối lời khai của chị T là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh, anh N cũng không đến Tòa để hòa giải hàn gắn tình cảm đã cho thấy anh N không còn quan tâm đến hôn nhân với chị T. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và *“vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị T và anh N đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Theo chị T trình bày, chị và anh N có hai con chung là cháu Võ Thị Phương T, sinh ngày 14-9-2013 và cháu Võ Thị Phương V, sinh ngày 13-12-2010. Cháu T và cháu V hiện đang do bà nội nuôi dưỡng nhưng cháu V có nguyện vọng được sống cùng mẹ, cháu T muốn sống cùng ông bà nội sau khi cha mẹ ly hôn. Chị T yêu cầu được nuôi cháu V, đồng ý giao cháu T cho phía anh N nuôi dưỡng, phía anh N không có ý kiến gì phản đối yêu cầu của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu V cho chị T, giao cháu T cho phía anh N nuôi dưỡng để đảm bảo nguyện vọng của các cháu. Chị T, anh N đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh N đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T. Cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Võ Lê Kim N.

2. Về con chung:

Giao cháu Võ Thị Phương V, sinh ngày 13-12-2010 cho chị Nguyễn Thị Thanh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Giao cháu Võ Thị Phương T, sinh ngày 14-9-2013 cho anh Võ Lê Kim N nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Chị T, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do hai bên đều chưa yêu cầu.

Anh N, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016210 ngày 17-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực